

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày: 20/11/2024

Về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thắng Anh Minh;

Ông Phạm Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 26/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bôn V – Chuyên viên xử lý nợ khu vực – phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K; Địa chỉ: phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Ông Vin có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Trịnh Phi Yến Q – sinh năm 1982

Ông Hồ Tôn V1 – sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 3, xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. (Ông V, bà Q vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2023, bản tự khai, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần K; ông Nguyễn Bôn V trình bày:*

Ông Hồ Tôn V và bà Trịnh Phi Yến Q vay của Ngân hàng TMCP K - chi nhánh Khánh Hòa với tổng cộng số tiền 1.339.285.897 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu hai tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng từng lần số: 203/22/HĐTD/1300-6142 ký ngày 31/03/2022. Số tiền vay: 1.120.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Giải ngân ngày: 31/03/2022, thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn: 31/03/2023, Lãi suất trong hạn: 10,6%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của BLS HĐ KHCN tại thời điểm thay đổi lãi suất cho vay cộng (+) biên độ 3,7%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay).

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh.
- Hình thức thanh toán: Vốn gốc trả cuối kỳ; Lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Tạm tính đến ngày 20/11/2024 theo hợp đồng tín dụng trên ông V1 và bà Q đang nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc là 1.120.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng) và nợ lãi là 511.610.474 đồng (Năm trăm mười một triệu sáu trăm mười nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

2. Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số: 203/22/HĐTD/1300-6142 ngày 31/3/2022.

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)
- Giải ngân ngày: 31/03/2022
- Thời hạn vay: 12 tháng, ngày đến hạn: 31/03/2023
- Lãi suất trong hạn: 14%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại hình và phương thức vay).
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.
- Mục đích vay vốn: Phục vụ đời sống.
- Hình thức thanh toán: Theo quy định Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi của Ngân hàng TMCP K.

Tạm tính đến ngày 20/11/2024 theo hợp đồng tín dụng trên ông V1 và bà Q đang nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 71.445.897 đồng (Bảy mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng).

3. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0042/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/6/2019.

- Loại thẻ: Visa Gold & JCB Gold
- Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*)
- Mục đích: Thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ.
- Thời hạn: 36 tháng.
- Phương thức cấp tín dụng: Phát hành thẻ tín dụng đối với khách hàng đang vay vốn tại K có tài sản bảo đảm.
- Lãi suất: Theo qui định K.
- Cách thức trả nợ: Theo quy chế phát hành thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng TMCP K.

Tạm tính đến ngày 20/11/2024 theo hợp đồng tín dụng trên ông V1 và bà Q đang nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc là 31.576.033 đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm ba mươi ba đồng*) và nợ lãi là 26.969.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

4. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0043/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/06/2019.

- Loại thẻ: Visa Gold & JCB Gold
- Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*),
- Mục đích: Thanh toán hóa đơn hàng hóa, dịch vụ.
- Thời hạn: 36 tháng.
- Phương thức cấp tín dụng: Phát hành thẻ tín dụng đối với khách hàng đang vay vốn tại K có tài sản bảo đảm.
- Lãi suất: Theo qui định K.
- Cách thức trả nợ: Theo quy chế phát hành thẻ tín dụng Quốc tế của Ngân hàng TMCP K.

Tạm tính đến ngày 20/11/2024 theo hợp đồng tín dụng trên ông V1 và bà Q đang nợ Ngân hàng TMCP K số tiền gốc là 37.709.864 đồng (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm lẻ chín nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*) và nợ lãi là 32.705.563 đồng (*Ba mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng*).

Để bảo đảm hợp đồng vay ông V1, bà Q đã thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 2858xx; Số cấp GCN số: CH 002xx do UBND huyện D cấp ngày 21/01/2011; Thửa đất số 74x; Tờ bản đồ số 05; diện tích 273m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn (120m²), đất trồng cây lâu năm khác (153m²); Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn (Lâu dài), đất trồng cây lâu năm khác (đến tháng 09/2048); địa chỉ thửa đất: xã D, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa; chủ sở hữu: ông Hồ Tôn V1 (theo cập nhập bổ sung ngày 04/5/2013). Nội dung thế chấp được thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 429/20/HĐTC-BĐS/1300-6142 ngày 28/07/2020 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 429/20/HĐTC-BĐS/1300-6142-1 ngày 16/06/2021, Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số

429/20/HDTC-BDS/1300-6142-2 ngày 31/03/2022 tại Phòng Công chứng Số 1 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Hồ Tôn V1 và bà Trịnh Phi Yến Q đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký kết.

Tạm tính đến ngày 20/11/2024 ông V1 và bà Q đang nợ Ngân hàng K tổng cộng tất cả các khoản vay của các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế tín dụng số tiền nợ gốc là 1.339.285.897 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*) và nợ lãi là 642.730.934 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng*).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề nghị ông Hồ Tôn V1 và bà Trịnh Phi Yến Q thanh toán nợ nhưng ông Hồ Tôn V1 và bà Trịnh Phi Yến Q cố tình né tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP K.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Hồ Tôn V và bà Trịnh Phi Yến Q phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 20/11/2024 là 1.982.016.831 đồng (*Một tỷ chín trăm tám mươi hai triệu không trăm mười sáu nghìn tám trăm ba mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.339.285.897 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*) và tiền lãi là 642.730.934 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng*) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/11/2024 theo các Hợp đồng tín dụng số: 203/22/HDTD/1300-6142 ký ngày 31/03/2022; Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi Số: 203/22/HĐTD/1300-6142 ngày 31/03/2022; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0042/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/06/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0043/19/BD/1300-6142 ngày 05/06/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Sau khi Quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực, bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cho Ngân hàng TMCP K, Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP K đã tạm ứng chi phí là 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*). Ngân hàng TMCP K đề nghị ông Hồ Tôn V1 và bà Trịnh Phi Yến Q phải thanh toán lại cho Ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* *Tại bản tự khai ngày 24/01/2024 bị đơn Hồ Tôn Vinh trình bày:*

Ông và bà Trịnh Phi Yến Q có có vay vốn của Ngân hàng TMCP K, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 203/22/HĐTD/1300-6142 ký ngày 31/03/2022. Số tiền vay: 1.120.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng). Giải ngân ngày: 31/3/2022.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số: 203/22/HĐTD/1300-6142 ngày 31/03/2022; Số tiền vay: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); Giải ngân ngày: 31/03/2022.

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0042/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/06/2019; Loại thẻ: Visa Gold & JCB Gold; Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0043/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/06/2019; Loại thẻ: Visa Gold & JCB Gol; Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Để bảo đảm hợp đồng vay ông và bà Q đã thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 2858xx; Số cấp GCN số: CH 002xx do UBND huyện D cấp ngày 21/01/2011; Thửa đất số 746; Tờ bản đồ số 05; diện tích 273m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn (120m²), đất trồng cây lâu năm khác (153m²); Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn (Lâu dài), đất trồng cây lâu năm khác (đến tháng 09/2048); địa chỉ: xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; đứng tên ông (Hồ Tôn V1). Tạm tính đến ngày 24/01/2024 ông còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: Nợ gốc là 1.339.285.897 đồng; lãi trong hạn là 63.989.895 đồng; lãi quá hạn là 250.405.726 đồng; tiền phạt chậm trả lãi là 5.972.976 đồng; Tổng lãi sử dụng thẻ tín dụng là 19.648.209 đồng; Tổng lãi sử dụng thẻ tín dụng là 12.068.105 đồng. Tổng số tiền nợ là 1.691.370.808 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi một triệu ba trăm bảy mươi nghìn tám trăm lẻ tám đồng).

Ông cam kết chậm nhất đến tháng 3/2024 ông sẽ xử lý tài sản để trả nợ.

* *Tại bản tự khai ngày 22/4/2024, ông Hồ Tôn V1 trình bày:* Đến nay ông và bà Q vẫn chưa trả được nợ. Ông xin đến tháng 10/2024 trả hết nợ gốc còn phần lãi ông xin không trả đến hạn nói trên (tháng 10/2024). Đến hạn mà ông không trả được nợ thì ông yêu cầu Ngân hàng TMCP K xử lý tài sản thế chấp để trả nợ.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa, vì vậy Tòa án đã thực hiện các thủ tục theo quy định để giải quyết vắng mặt bị đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 phải trả nợ vay do bà Q và ông V1 vi phạm hợp đồng tín dụng. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K và bị đơn bà Trịnh Phi Yến Q, ông Hồ Tôn V1 xác lập hợp đồng tín dụng vay và sử dụng thẻ tín là có thật. Thể hiện tại hợp các đồng: Hợp đồng tín dụng từng lần số: 203/22/HĐTD/1300-6142 ký ngày 31/03/2022; Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số: 203/22/HĐTD/1300-6142 ngày 31/03/2022; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0042/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/06/2019; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0043/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/06/2019.

Giao dịch giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự nên các hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật. Bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 trả số tiền gốc và lãi là phù hợp với các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng tín dụng Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 còn phải tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K như sau:

[4.1] Việc vay tiền giữa Ngân hàng TMCP K và bà Trịnh Phi Yến Q, ông Hồ Tôn V1 là giao dịch hợp pháp. Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà Trịnh Phi Yến Q, ông Hồ Tôn V1 phải trả số tiền nợ gốc là 1.339.285.897 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng), Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 203/22/HĐTD/1.00-6142 ngày 31/3/2022 là 1.120.000.000 đồng (Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng);
- Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số: 203/22/HĐTD/1.00-6142 ngày 31/3/2022 là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng);
- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0042/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/6/2019: 31.576.033 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm ba mươi ba đồng);

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0043/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/6/2019: 37.709.864 đồng (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm lẻ chín nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*);

[4.2] Nợ lãi của các hợp đồng đến ngày 20/11/2024, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 203/22/HĐTD/1.00-6142 ngày 31/3/2022 là 511.610.474 đồng (*Năm trăm mười một triệu sáu trăm mười nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng*);

- Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số: 203/22/HĐTD/1.00-6142 ngày 31/3/2022 là 71.445.897 đồng (*Bảy mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*);

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0042/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/6/2019 là 26.969.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng*);

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0043/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/6/2019 là 32.705.563 đồng (*Ba mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng*).

Và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/11/2024 theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi bà Q, ông V1 trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng [TMCP K](#).

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP K đã tạm ứng là 4.700.000 đồng. Bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng.

[6] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng [TMCP](#).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 [Bộ luật Tố tụng dân sự](#);

- Căn cứ Điều 463 và 466 [Bộ luật Dân sự năm 2015](#);

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 [Luật các tổ chức tín dụng](#);

- Căn cứ [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số [01/2019/NQ-HĐTP](#) ngày 11/01/2019 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền còn nợ tổng cộng theo các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đến ngày 20/11/2024 như sau:

- Hợp đồng tín dụng từng lần số: 203/22/HĐTD/1.00-6142 ngày 31/3/2022 nợ gốc là 1.120.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm hai mươi triệu đồng*); Nợ lãi là 511.610.474 đồng (*Năm trăm mười một triệu sáu trăm mười nghìn bốn trăm bảy mươi bốn đồng*).

- Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số: 203/22/HĐTD/1.00-6142 ngày 31/3/2022 nợ gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*); Nợ lãi là 71.445.897 đồng (*Bảy mươi một triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*).

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0042/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/6/2019 nợ gốc là 31.576.033 đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm ba mươi ba đồng*); Nợ lãi là 26.969.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K số: 0043/19/BĐ/1300-6142 ngày 05/6/2019 nợ gốc là 37.709.864 đồng (*Ba mươi bảy triệu bảy trăm lẻ chín nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*); Nợ lãi là 32.705.563 đồng (*Ba mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng*).

Tổng số nợ của các hợp đồng nói trên đến ngày 20/11/2024 là 1.982.016.831 đồng (*Một tỷ chín trăm tám mươi hai triệu không trăm mười sáu nghìn tám trăm ba mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.339.285.897 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*) và tiền lãi là 642.730.934 đồng (*Sáu trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng*) và các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/11/2024 theo thỏa thuận các của hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên cho đến khi bà Q và ông V1 trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 không trả được các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu chi cục thi hành án Dân sự huyện Diên Khánh, Khánh Hòa xử lý phần tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 2858xx; Số cấp GCN số: CH 002xx do UBND huyện D cấp ngày 21/01/2011; Thửa đất số 746; Tờ bản đồ số 05; diện tích 273m²; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn (120m²), đất trồng cây lâu năm khác (153m²); Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn (Lâu dài), đất trồng cây lâu năm khác (đến tháng 09/2048); địa chỉ: xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; đứng tên ông Hồ Tôn V1.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí: Bà Trịnh Phi Yến Q và ông Hồ Tôn V1 phải chịu 71.460.000 đồng (*bảy mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 00010xx ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. **Quy định:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận